

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **197/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-9-2020

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ba.
2. Ông Nguyễn Công Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1954. *Có mặt.*
 - Bị đơn: Ông Nguyễn Cường D, sinh năm 1950. *Có mặt.*
- Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Quế T, huyện S, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2020, bản tự khai, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Cường D xây dựng gia đình và sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn từ năm 1977 đến nay. Trong quá trình sống chung ông D thường xuyên uống rượu về đánh đập, quậy phá nên trong gần 6 năm nay bà đã ly thân với ông D và sống với các con. Nửa năm nay bà về sống lại với ông thì ông vẫn không thay đổi, hiện tại cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và ông D có 03 con chung là Nguyễn Thị Vân H, sinh năm 1978; Nguyễn Tấn H, sinh năm 1979 và Nguyễn Thị Hồng V, sinh

năm 1982. Hiện nay, các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn - ông Nguyễn Cường D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T chung sống với nhau như vợ chồng bắt đầu từ năm 1977 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông và bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống từ cách đây 06 tháng, ông có uống rượu về bực tức mâu thuẫn với bà T. Nay bà T yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng ông không thống nhất do ông bà đã lớn tuổi.

Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung như bà T trình bày. Hiện nay, các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị T có quan hệ hôn nhân thực tế với ông Nguyễn Cường D, địa chỉ: Thôn P, xã Quế T, huyện S, tỉnh N. Nay, bà T khởi kiện xin ly hôn với ông D nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông D được xác lập năm 1977, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối nhưng không có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân thực tế nên được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống, bà T và ông D đã phát sinh mâu thuẫn do ông D thường xuyên uống rượu về đánh đập, quậy phá; nay bà không còn tình cảm với ông D. Ông D cho rằng giữa ông và bà có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống nhưng ông không thống nhất ly hôn vì ông bà đã lớn tuổi. Mặc dù, đã được hoà giải nhiều lần nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn còn ông D thì yêu cầu được đoàn tụ. Xét thấy giữa bà T và ông D có phát sinh mâu thuẫn, hiện nay ông bà đều không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bà T không còn tình cảm với ông D cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và tại phiên

toà, bà T vẫn cương quyết xin ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3]. Về con chung: Bà T và ông D đều thừa nhận có 03 con chung là Nguyễn Thị Vân H, sinh năm 1978; Nguyễn Tấn H, sinh năm 1979 và Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1982. Hiện nay, các con của ông bà đều đã trưởng thành, đủ khả năng lao động và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị T là người cao tuổi và đang được hưởng chính sách như thương binh của Nhà nước nên được miễn nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 85, Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc "*Tranh chấp về ly hôn*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Cường D.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị T được miễn nộp.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phụng